

Bản án số: 44/2018/HSPT
Ngày 16 tháng 8 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Thẩm phán: Ông Châu Việt Thanh

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trang Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2018/HSPT ngày 05 tháng 7 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trương Thanh D**, sinh năm 1969 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: mua bán; Dân tộc: Khmer; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; cha là Trương Văn T, sinh năm 1927 và mẹ là Lý Thị D, sinh năm 1928 (đã chết); Anh, chị, em ruột có 09 người, lớn nhất sinh năm 1948, nhỏ nhất là bị cáo; Có chồng tên Nguyễn Văn G, sinh năm 1982 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Khởi tố bị can ngày 09/11/2017 và cho tại ngoại để điều tra. (có mặt).

2. Họ và tên: **Ngô Thu T**, sinh năm 1977 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Viên chức; Dân tộc: Khmer; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; cha là Ngô Quốc V, sinh năm 1948 và bà Phan Nguyệt T, sinh năm 1954 (đã chết); Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1981; Có chồng tên Bùi Văn C, sinh năm 1968 và 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Bị khởi tố bị can ngày 09/11/2017 và cho tại ngoại để điều tra. (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Thanh D:* Bà Tạ Nguyệt Thanh, là Luật sư của Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt Thanh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H. Người đại diện theo pháp luật: Ông B. Người đại diện theo ủy quyền: ông Quách Ngọc Chí H không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết từ trước nên khoảng giữa tháng 02/2017, chị Huỳnh Thị X nhờ Huỳnh Thanh L làm thủ tục vay vốn ngân hàng, L đồng ý và kêu X đưa giấy chứng minh nhân dân của chồng là Trần Văn H cùng giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu đứng tên Huỳnh Thị X để làm thủ tục. Khi có các giấy tờ trên, khoảng 13 giờ ngày 25/02/2017, L gọi điện thoại hẹn Trương Thanh D đến quán cà phê Thanh Niên để uống nước, D đồng ý và cùng Nguyễn Văn G đến gặp L. Tại đây, L đưa giấy chứng minh nhân dân của Trần Văn H, giấy chứng minh nhân dân cùng sổ hộ khẩu tên Huỳnh Thị X và nói X là chị, còn H là anh rể đang có nhu cầu mua xe trả góp. Do X và H không biết chữ nên L kêu G đóng giả Trần Văn H để mua xe trả góp dùm, xong việc sẽ cho 2.000.000 đồng nhưng G không đồng ý nên L nhờ bị cáo D tìm người đóng vai Huỳnh Thị X, xong việc sẽ cho người đóng giả 2.000.000 đồng, D đồng ý và gọi cho Ngô Thu T nói “có cái này ngon lắm bà làm đi”, T hỏi lại “làm gì”, D trả lời “bà đóng vai vợ của một người khác đã có tên trong sổ hộ khẩu để mua xe trả góp dùm, xong việc tôi cho bà 2.000.000 đồng xài chơi”, do sợ vi phạm pháp luật nên T không đồng ý.

Khoảng 13 giờ ngày 27/02/2017, L điện thoại rủ D và G đến uống cà phê tại quán Thanh Niên, L tiếp tục kêu D tìm người đóng giả X để mua xe trả góp thì D điện thoại cho T kêu đóng giả người khác để mua xe trả góp dùm, xong việc sẽ cho 2.000.000 đồng, lúc này T đồng ý nên D kêu T đem theo một tấm hình dùng làm giấy chứng minh nhân dân và đến ngay quán cà phê Thanh Niên để gặp D và L. Trong lúc ngồi đợi T đến, D và L bàn bạc thống nhất các thông tin của Huỳnh Thị X là sử dụng điện thoại di động số thuê bao 01233xxx, gia đình làm nghề chăn nuôi và mua bán nhỏ, có chồng tên Trần Minh H, sử dụng điện thoại di động số thuê bao 01252xxx, có con tên Trần Văn T, sử dụng điện thoại di động số thuê bao 0944xxx (các điện thoại có số thuê bao này, L đã chuẩn bị sẵn đưa cho T đóng vai Huỳnh Thị X). Khoảng 14 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chạy đến gặp L, D và G tại quán cà phê Thanh Niên, D giới thiệu cho T biết L là người nhờ đóng vai Huỳnh Thị X để mua xe trả góp, xong việc sẽ cho T 2.000.000 đồng và kêu T đưa hình như đã dặn trước, T lấy một tấm hình có kích thước 2cm x 3cm của mình đưa cho D, rồi D đưa lại cho L đi đến chỗ ép nhựa gần đó ép hình của T vào hình của X trong giấy chứng minh nhân dân. Sau đó, L quay lại đưa sổ hộ khẩu cho D viết các thông tin của Huỳnh Thị X ra một tờ giấy như đã bàn bạc trước đó để đưa cho T học thuộc và thống nhất H, T sẽ

do L đóng giả, lúc này G ngồi gần nghe được nội dung bàn bạc, kế hoạch thực hiện của L, D và T nhưng không nói gì.

Sau khi thống nhất và chuẩn bị xong, L đưa điện thoại di động có gắn sim thuê bao số 01233xxx, sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của Huỳnh Thị X (đã dán hình của T) cho T. L và D kêu G chở T đến cửa hàng xe gắn máy T, ở đường Võ Thị Sáu, khóm 7, phường 3, thành phố Bạc Liêu để mua một chiếc xe hiệu Honda, loại Wave Alpha với hình thức trả góp. Khi đi đến cửa hàng G đợi ở ngoài, còn T vào gặp nhân viên cửa hàng thỏa thuận mua một chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha giá 21.500.000 đồng, trả trước 6.500.000 đồng, số tiền còn lại 15.000.000 đồng trả bằng hình thức vay tín dụng của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H để trả cho cửa hàng xe, tiền vay này người mua xe sẽ phải trả hàng tháng cho Công ty tài chính theo hợp đồng vay tín dụng. T giả Huỳnh Thị X cung cấp các thông tin và giấy tờ có liên quan đến X cho nhân viên Công ty tài chính để thẩm định, qua kiểm tra nhân viên Công ty tài chính không phát hiện T đóng giả Huỳnh Thị X nên đồng ý làm hợp đồng cho vay tín dụng với số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 5,51%/tháng, thời hạn trả 12 tháng và số tiền mỗi tháng phải trả là 1.754.000 đồng. Khi làm hợp đồng, Công ty tài chính đã phô tô giấy chứng minh nhân, sổ hộ khẩu tên Huỳnh Thị X và chụp hình T để lưu hồ sơ. Trong lúc đợi Công ty tài chính xác minh thông tin để làm hợp đồng cho vay, G chở T quay lại quán cà phê Thanh Niên, khoảng 15 phút sau, nhân viên Công ty tài chính điện thoại vào số thuê bao 01233xxx để gặp Huỳnh Thị X xác nhận các thông tin trong hợp đồng cho vay thì T (đóng giả X) nói chuyện để xác minh thông tin, tiếp theo điện thoại vào số thuê bao 01252xxx và 0944xxx để gặp Trần Văn H và Trần Văn T thì L (đóng giả H và T) nói chuyện cung cấp các thông tin như trong hợp đồng cho vay.

Sau khi xác minh đúng các thông tin được cung cấp, nhân viên Công ty tài chính điện thoại cho Huỳnh Thị X (bị cáo T nghe máy) thông báo hồ sơ vay tín dụng để mua xe trả góp đã được thực hiện và yêu cầu đến cửa hàng xe gắn máy T để ký hợp đồng và làm thủ tục nhận xe. Khi ký xong hợp đồng vay tín dụng số V02COCT3709584076U với Công ty tài chính, cửa hàng xe yêu cầu trả trước số tiền là 6.500.000 đồng nên T kêu G chạy xe trở lại quán gặp L lấy tiền đem lại để T trả cho cửa hàng xe. Làm các thủ tục và trả tiền xong, T lấy xe của G chạy về quán cà phê Thanh Niên trước, trả lại điện thoại di động có gắn sim thuê bao số 01233xxx cho L. Lúc này, D lấy 2.000.000 đồng của L, đưa cho bị cáo T 1.500.000 đồng (trừ 500.000 đồng tiền T thiếu D trước đó), nhận tiền xong T điều khiển xe đi về. G ở lại để cửa hàng xe gắn máy Tươi cho 300.000 đồng tiền hoa hồng rồi cầm giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của Huỳnh Thị X, cùng hồ sơ vay tín dụng của Huỳnh Thị X (bị cáo T đóng giả) ký với Công ty tài chính và điều khiển xe mua được về giao cho L, xong việc L cho bị cáo D 100.000 đồng, rồi tất cả đi về. Sau khi nhận xe, L đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra không thu hồi được xe và đã khởi tố, truy nã đối với Huỳnh Thanh L.

Đến tháng 6/2017, ông Quách Ngọc Chí H được Công ty tài chính ủy quyền đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bạc Liêu tố giác và cung cấp tất cả các tài liệu có liên quan.

Tại Bản kết luận giám định số 405/GĐ-2017 ngày 15/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Chữ viết tên “Huỳnh Thị X” trên các tài liệu: Hợp đồng vay vốn số V02COCT3709584076U; Tờ thỏa thuận trọng tài số V02COCT3709584076A và Bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử số V02COCT3709584076U đồng ký ngày 27/02/2017 của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (do bị cáo Ngô Thu T đóng giả Huỳnh Thị X ký với Công ty tài chính) so với chữ viết trên Bản tự viết do bị cáo Ngô Thu T ký và viết tên “Huỳnh Thị X” được lập ngày 13/9/2017 là do cùng một người viết ra.

Tại Bản án sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Thanh D và bị cáo Ngô Thu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh D 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Ngô Thu T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 6 năm 2018, các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu về việc giải quyết vụ án:

- Về hình thức: Các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 331, 333, 334 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, về quyền kháng cáo, thủ tục và thời hạn kháng cáo, nên Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và đưa ra xét xử phúc thẩm là đúng luật định.

Về nội dung: Vì động cơ vụ lợi bất chính nên các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T đã cấu kết với Huỳnh Thanh L dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền là 15.000.000đ. Trong lúc thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc thảo luận đi đến thống nhất phân công vai trò của từng người sẽ thực hiện, dự đoán các tình huống phát sinh và cách trả lời ứng phó khi nhân viên Công ty tài chính kiểm tra thẩm định hồ sơ vay. Hành vi của các bị cáo Trương Thanh D, Ngô Thu T có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, với tình tiết định khung tăng nặng là “có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009,

nhưng cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự là chưa xem xét hết vai trò, trách nhiệm, mức độ lỗi của các bị cáo và chưa đánh giá toàn diện vụ án. Tuy nhiên, do không có kháng nghị mà chỉ có kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo, nên cấp phúc thẩm không thể xét xử tăng nặng hình phạt làm xấu đi tình trạng của các bị cáo nên cần giữ nguyên điều, khoản Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng đầy đủ các các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; mức án 07 tháng tù đối với bị cáo Trương Thanh D và 06 tháng tù đối với bị cáo Ngô Thu T là nhẹ so với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, các bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của các bị cáo, mà cần giữ nguyên hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên.

Ngoài ra, bị cáo Trương Thanh D thuộc diện hộ nghèo, nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ mà buộc bị cáo D chịu án phí hình sự sơ thẩm là chưa đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay bị cáo có yêu cầu giảm, miễn án phí, nên đề nghị không buộc bị cáo Trương Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Đối với Huỳnh Thanh L hiện nay đã bỏ trốn và bị truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn G chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T xin giảm án và được hưởng án treo. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về phí và lệ phí Tòa án. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, về phần án phí theo hướng: Không buộc bị cáo Trương Thanh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Thanh D trình bày ý kiến: Về tội danh và diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội thống nhất như Viện kiểm sát trình bày tại phiên tòa. Tuy nhiên hành vi của bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ như Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo chỉ thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm giản đơn cùng L và bị cáo T, nội dung này đã được Viện kiểm sát nhân dân thành phố B rút truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận. Bị cáo D có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo là lao động chính, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự

về án treo để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Kiểm sát viên có ý kiến đối đáp với Luật sư: Thực tế các bị cáo đã có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể như: Bị cáo D ghi những thông tin cá nhân của chị X và người thân của chị X ra giấy để cho bị cáo T học thuộc để đóng giả làm chị X; ông L là người chuẩn bị điện thoại di động và sim số trên cho bị cáo T sử dụng đóng giả chị X và cung cấp thông tin chồng, con của chị X cho Công ty tài chính khi làm hồ sơ vay tiền; ông L đóng giả chồng và con chị X để cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của các bị cáo là phạm tội có tổ chức và giữ nguyên ý kiến đã phát biểu đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 27/02/2017, Huỳnh Thanh L cùng các bị cáo Trương Thanh D và Ngô Thu T bàn bạc thống nhất với nhau cùng thực hiện hành vi gian dối như: L bàn bạc với D tìm người đóng giả X để mua xe trả góp, D điện thoại cho T và T đồng ý, khi đến điểm hẹn T còn mang theo ảnh để L dán lên ảnh của X nhằm tránh sự phát hiện của cửa hàng mua bán xe và Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, L cùng các bị cáo T và D còn bàn bạc thống nhất phân công cho T đóng giả X khi đến cửa hàng mua xe và khi Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H liên hệ. Các bị cáo đã thực hiện hoàn thành các hành vi theo sự bàn bạc, phân công ban đầu và đã chiếm đoạt được xe tại cửa hàng xe gắn máy T với số tiền chiếm đoạt là 15.000.000đ.

[2] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, vì mục đích vụ lợi đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, nên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HSST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã xét xử đối với các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo không những đã xâm hại đến tài sản của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, nên cần xử phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trương Thanh D: Khi quyết định hình phạt cho bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được qui định tại các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, phạt bị cáo 07 tháng tù là phù hợp, tương xứng

với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

[5] Đối với kháng cáo của bị cáo Ngô Thu T: Cấp sơ thẩm đã ghi nhận bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có cha là ông Ngô Quốc V và mẹ là bà Phan Nguyệt T là người có công với cách mạng (bút lục 308, 309) được qui định tại các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.

[6] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, Huỳnh Thanh L đã bàn bạc với bị cáo D để bị cáo D rủ bị cáo T cùng tham gia và đã bàn bạc thống nhất phân công vai trò của từng bị cáo để cùng nhau thực hiện tội phạm đã thể hiện rõ có sự cấu kết chặt chẽ, nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo thực hiện hành vi không có sự cấu kết chặt chẽ và áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử đối với các bị cáo là chưa phù hợp. Tuy nhiên, vụ án không bị kháng nghị, chỉ có các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, nên cấp phúc thẩm không thể xem xét làm xấu đi tình trạng của các bị cáo nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đã xét xử đối với các bị cáo. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Ngoài ra, hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Trương Thanh D thuộc diện hộ nghèo và có đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn (BL 304, 310), nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ mà buộc bị cáo D chịu án phí là chưa đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị cáo có yêu cầu giảm, miễn án phí, nên được chấp nhận.

[8] Đối với Huỳnh Thanh L hiện nay đã bỏ trốn và bị truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[9] Đối với Nguyễn Văn G quá trình điều tra chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bạc Liêu tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[10] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và bị cáo D; không chấp nhận đề nghị của Luật sư tại phiên tòa; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[11] Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo Trương Thanh D là hộ nghèo nên bị cáo được miễn án phí.

[12] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thanh D và bị cáo Ngô Thu T, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

2. Tuyên bố bị cáo Trương Thanh D và bị cáo Ngô Thu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trương Thanh D 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Ngô Thu T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Ngô Thu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trương Thanh D được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 41/2018/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- VKSND thành phố B (01b);
- Cơ quan HS nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND thành phố B (01b);
- CQĐT thành phố B (01b);
- Chi cục THADS thành phố B (để thi hành) (01b);
- Bị cáo (02b);
- Luật sư (01b);
- Lưu:HS, THCTP, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Như

